

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-ĐHLHN ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

Mục/tiểu mục	Trang
1. Quyết định về việc ban hành “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024”	3
2. Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024	4
I. Thông tin chung	4
II. Tuyển sinh đào tạo chính quy	10
1. Tuyển sinh chính quy đại học	10
2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên	24
III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học	26
1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT	26
2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên	30
3. Phụ lục: Các điều kiện bảo đảm chất lượng	33

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Số: 525/QĐ-ĐHLHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2024”.

Điều 2. Đề án tuyển sinh có thể được điều chỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc căn cứ vào tình hình tuyển sinh thực tế.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và thành viên Hội đồng tuyển sinh năm 2024 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT của Trường (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐTDH (20).



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~525~~ 525/QĐ-DHLHN ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt của cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên tiếng Anh của cơ sở đào tạo: “Hanoi Law University”

2. Mã trường: LPH

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

* Trụ sở chính của Trường: số 87 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

* Phân hiệu của Trường: Tổ dân phố 8, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://hlu.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo có thông tin tuyển sinh: Địa chỉ trang mạng xã hội: www.facebook.com/tuyensinhhdhln

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 1900.1205

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>.

Sau đây là kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
I. Lĩnh vực pháp luật					
1. Luật	Đại học	1570	1427	1398	64.68
2. Luật Kinh tế	Đại học	400	427	372	75.00
3. Luật Thương mại quốc tế	Đại học	120	132	95	94.62
II. Lĩnh vực Nhân văn					
1. Ngôn ngữ Anh	Đại học	120	141	113	87.00
Tổng		2210	2127	1978	69.38

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất (2022, 2023):

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

* Năm 2022: Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT năm 2022 theo các tổ hợp được xác định cụ thể theo từng ngành.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 4 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ): Trường xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương.

* Năm 2023: Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT năm 2023 theo các tổ hợp được xác định cụ thể theo từng ngành.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 4 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ): Trường xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I.	Lĩnh vực pháp luật							
	-Ngành Luật		1280	1323		1250	1273	
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả học tập bậc THPT			27.69			28.63
	Tổ hợp 2: A01				27.72			28.80
	Tổ hợp 3: C00				27.68			28.67
	Tổ hợp 4: D01				26.30			28.55
	Tổ hợp 5: D02				26.30			28.55
	Tổ hợp 6: D03				26.30			28.55
	Tổ hợp 7: D05				26.30			28.55
	Tổ hợp 8: D06				26.30			28.55
	Tổ hợp 1: A00		Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPTQG			25.35		
	Tổ hợp 2: A01				24.95			24.00
	Tổ hợp 3: C00				28.75			26.50
	Tổ hợp 4: D01				25.80			25.75
	Tổ hợp 5: D02				25.80			25.75
	Tổ hợp 6: D03				25.80			25.75
	Tổ hợp 7: D05				25.80			25.75

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 8: D06				25.80			25.75
	-Ngành Luật Kinh tế		450	440		550	534	
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả học tập bậc THPT			29.10			29.73
	Tổ hợp 2: A01				29.52			30.00
	Tổ hợp 3: C00				28.94			29.67
	Tổ hợp 4: D01				27.55			29.73
	Tổ hợp 5: D02				27.55			29.73
	Tổ hợp 6: D03				27.55			29.73
	Tổ hợp 7: D05				27.55			29.73
	Tổ hợp 8: D06				27.55			29.73
	Tổ hợp 1: A00		Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPTQG			26.35		
	Tổ hợp 2: A01				26.55			25.50
	Tổ hợp 3: C00				29.50			27.36
	Tổ hợp 4: D01				26.80			26.50
	Tổ hợp 5: D02				26.80			26.50
	Tổ hợp 6: D03				26.80			26.50
	Tổ hợp 7: D05				26.80			26.50
	Tổ hợp 8: D06				26.80			26.50
	-Ngành Luật (đào tạo tại Phân hiệu Đắk Lắk)		130	136		200	183	
	Tổ hợp 1: A00			21.00			23.41	
	Tổ hợp 2: A01			21.00			23.80	

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 3: C00	Xét kết quả học tập bậc THPT			21.00			22.43
	Tổ hợp 4: D01				21.00			22.53
	Tổ hợp 5: D02				21.00			22.53
	Tổ hợp 6: D03				21.00			22.53
	Tổ hợp 7: D05				21.00			22.53
	Tổ hợp 8: D06				21.00			22.53
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			19.00			18.15
	Tổ hợp 2: A01				19.00			18.15
	Tổ hợp 3: C00				24.50			18.15
	Tổ hợp 4: D01				19.90			18.15
	Tổ hợp 5: D02				19.90			18.15
	Tổ hợp 6: D03				19.90			18.15
	Tổ hợp 7: D05				19.90			18.15
	Tổ hợp 8: D06				19.90			18.15
	-Ngành Luật (chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ)		100	33		100	26	
		Xét kết chứng chỉ tiếng Anh			9.00			9.00
	-Ngành Luật thương mại quốc tế		205	199		200	206	
	Tổ hợp 1: A01				27.25			29.44

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 2: D01	Xét kết quả học tập bậc THPT			26.22			29.00
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			24.95			24.80
	Tổ hợp 2: D01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			26.05			25.75
2.	Lĩnh vực nhân văn							
	- Ngành Ngôn ngữ Anh		200	193		200	199	
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả học tập bậc THPT			24.69			27.68
	Tổ hợp 2: D01	Xét kết quả học tập bậc THPT			24.74			27.61
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			24.35			24.00
	Tổ hợp 2: D01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			25.45			24.50
	Tổng		2365	2324		2500	2421	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
----	-----------	----------	---------------------	---	--	---	--	---------------------	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Luật	7380101	405-CP	06/11/1979	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1979	2022
2.	Luật Kinh tế	7380107	6249/QĐ-BGDĐT	09/12/2011	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2022
3.	Luật Thương mại quốc tế	7380109	582/QĐ-BGDĐT	11/02/2011	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2022
4.	Ngôn ngữ Anh	7220201	231/QĐ-BGDĐT	17/01/2012	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://hlu.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022) và các quy định của Trường, cụ thể như sau.

* Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

* Điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Đề án này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

* Đối với các ngành đào tạo có áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh trên nguyên tắc không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.

* Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2024, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh chính quy đại học theo các phương thức sau đây:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng.
- Phương thức 2: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức.
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

Trong đó:

- Phương thức 1 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.3 và mục 1.8.1 đề án này.
- Phương thức 2 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.4 đề án này.
- Phương thức 3 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.5 đề án này.
- Phương thức 4 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.6 đề án này.

Nếu xét tuyển theo từng đợt/đối tượng/phương thức xét tuyển trước chưa đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển cho các đợt/đối tượng/phương thức xét tuyển sau, bảo đảm tổng số sinh viên nhập học không vượt quá tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

* Năm 2024, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh chính quy đại học đối với 4 ngành đào tạo sau:

- Ngành Luật (MS: 7380101).
- Ngành Luật Kinh tế (MS: 7380107).
- Ngành Luật Thương mại quốc tế (MS: 7380109).
- Ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý (MS: 7220201).

* Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: **2.500**.

* Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo như sau:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7380101	Luật	301	Xét tuyển thẳng	91 ²	Xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.							
2.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			11								
3.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			4								
4.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			4								
5.	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển các thí sinh tham dự	3								
6.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			3								

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

² Trong số 91 chỉ tiêu tuyển thẳng ngành Luật có 54 chỉ tiêu dành cho đối tượng học sinh các trường dự bị dân tộc và 37 chỉ tiêu dành cho các đối tượng tuyển thẳng khác theo quy định tại mục 1.7.3 và mục 1.8.1 đề án này.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
7.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế		cuộc thi tháng/quý/năm	2	Xét tuyển dựa trên việc tham dự và kết quả tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức (chi tiết xem tại Mục 1.7.4).							
8.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh		cuộc thi Olympia	2								
9.	Đại học	7380101	Luật	200	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024	628	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D04, D05, D06	
10.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			268	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D04, D05, D06	
11.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			97	A01		D01					
12.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			97	A01		D01					
13.	Đại học	7380101	Luật (tại Phân hiệu Đắk Lắk)			100	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D04, D05, D06	
14.	Đại học	7380101	Luật	100	Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024	628	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D04, D05, D06	
15.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			268	A00		A01		C00		D01,	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
													D02, D03, D04, D05, D06	
16.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			97	A01		D01					
17.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			97	A01		D01					
18.	Đại học	7380101	Luật (tại Phân hiệu Đắk Lắk)			100	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D04, D05, D06	

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Đối với phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia, ngưỡng đầu vào là thí sinh phải đạt điểm tốt nghiệp Kỳ thi THPT quốc gia năm 2024.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, ngưỡng đầu vào là thí sinh phải đạt điểm tốt nghiệp Kỳ thi THPT quốc gia năm 2024.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, ngưỡng đầu vào được xác định như sau:

+ Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại trụ sở chính của Trường: Tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển C00 đạt ≥ 20.00 điểm, các tổ hợp khác đạt ≥ 18.00 điểm (không tính điểm ưu tiên). Ngoài ra, đối với ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh, kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh ≥ 7.00 điểm.

+ Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk: Tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt ≥ 15.00 điểm (không tính điểm ưu tiên).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường:

- Mã Trường Đại học Luật Hà Nội: LPH

- Mã ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, các tổ hợp xét tuyển: Xem Mục 1.4.

- Trường không sử dụng kết quả bảo lưu của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trở về trước để xét tuyển năm 2024, trừ trường hợp đã trúng tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2023 được bảo lưu kết quả tuyển sinh.

- Trường tuyển 300 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật, 100 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật Kinh tế. Việc tuyển chọn thực hiện sau khi các thí sinh trúng tuyển vào Trường.

- Thí sinh lưu ý cập nhật thông tin thường xuyên khi có thay đổi, điều chỉnh, hiệu đính đối với Đề án này tại Cổng thông tin điện tử của Trường (<http://hlu.edu.vn>).

- Hiện tại Trường có Trung tâm pháp luật Đức, Trung tâm pháp luật Nhật Bản. Năm 2024, Trường dự kiến thành lập Nhà pháp luật Việt – Pháp.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

1.7.1. Thời gian và hình thức tuyển sinh:

- Đăng thông báo tuyển sinh trên Cổng thông tin điện tử (<https://tuyensinh.hlu.edu.vn>) và các phương tiện truyền thông: từ 19/3/2024 đến 26/3/2024.

- Xét tuyển sớm: Trường tổ chức xét tuyển sớm đối với Phương thức 1, Phương thức 2, Phương thức 3. Hình thức tuyển sinh là trực tuyến kết hợp với nộp hồ sơ bản giấy. Các mốc thời gian thực hiện như sau:

+ Dự kiến từ **20/4/2024** đến **15/5/2024**: Thí sinh đăng ký hồ sơ trực tuyến tại Cổng xét tuyển của Trường: <https://xettuyen.hlu.edu.vn>.

+ Dự kiến từ **08/5/2024** đến **15/5/2024**: Thí sinh nộp hồ sơ bản giấy qua đường bưu điện (theo địa chỉ: Phòng Đào tạo đại học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tiếp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội)

+ Dự kiến **25/5/2024**: Trường thông báo kết quả xét tuyển sớm tới các thí sinh.

Thí sinh xem hướng dẫn chi tiết việc nộp hồ sơ xét tuyển sớm trong Thông báo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2024 theo các phương thức xét tuyển sớm tại Cổng tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.hlu.edu.vn>.

- Xét tuyển Đợt 1 và “lọc ảo” chung trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: theo kế hoạch chung năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7.2. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển và nguyên tắc xét tuyển:

* Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đạt ngưỡng đầu vào quy định tại Mục 1.5 của Đề án này.

- Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển sớm hồ sơ phải có đủ tài liệu minh chứng theo hướng dẫn tại Thông báo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2024 theo các phương thức xét tuyển sớm, đặc biệt là các giấy tờ xác nhận đối tượng tuyển thẳng; chứng chỉ ngoại ngữ; các bằng khen, giấy khen ... mà thí sinh kê khai để làm căn cứ xét tuyển tương ứng với từng phương thức tuyển sinh.;

Thí sinh phải đăng ký hồ sơ trực tuyến trước sau đó gửi hồ sơ bản giấy cho Trường Đại học Luật Hà Nội; Thí sinh in Phiếu dán bì hồ sơ và Phiếu đăng ký xét tuyển từ hệ thống xét tuyển online; Phiếu dán bì hồ sơ phải được dán bên ngoài hồ sơ bản giấy gửi cho Trường.

- Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thông báo của Trường theo phương thức này.

* Nguyên tắc xét tuyển:

- Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh đều được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo ngành và tổ hợp điểm. Thí sinh phải xếp thứ tự NV từ cao xuống thấp (NV ưu tiên cao nhất là NV1).

- Trường xét tuyển theo phương thức xét tuyển, mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển ở nhiều NV thì sẽ lấy kết quả trúng tuyển theo NV có mức độ ưu tiên cao nhất trong số các NV đủ điều kiện trúng tuyển. Nếu đã

trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Trường hợp có nhiều thí sinh ở cùng mức điểm trúng tuyển của một ngành/tổ hợp và số trúng tuyển đã vượt quá số chỉ tiêu đăng ký cho ngành/tổ hợp đó thì sẽ sử dụng tiêu chí phụ được quy định cụ thể theo từng phương thức xét tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp không chênh lệch quá 2 điểm;

- Nếu xét tuyển theo mỗi phương thức, ngành, tổ hợp, đối tượng không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho các phương thức, ngành, tổ hợp, đối tượng khác.

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức xét tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) cần đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia trong xét tuyển Đợt 1 theo thông báo/kế hoạch tuyển sinh và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024 để được nhập học vào Trường Đại học Luật Hà Nội.

1.7.3. Các điều kiện xét tuyển theo Phương thức xét tuyển thẳng

Phương thức xét tuyển thẳng thực hiện theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non và theo Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh của Trường.

1.7.4. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam

Trường áp dụng Phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam để tuyển sinh đối với 4 mã ngành (chi tiết tại Mục 1.4). Thí sinh dự tuyển phải là người đã tham dự các Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia và có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024 của tổ hợp bất kỳ trong các tổ hợp xét tuyển của Trường đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường theo Mục 1.5.

Các thí sinh đủ điều kiện đăng ký dự tuyển theo phương thức này sẽ được xác định kết quả theo xếp loại từ cao xuống thấp cho đến khi lấy hết chỉ tiêu.

1.7.5. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024

- Thí sinh đăng ký xét tuyển và theo học tại trụ sở chính của Trường theo phương thức này phải đạt đủ những điều kiện sau: Có học lực loại Giỏi trở lên cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12; Có kết quả học tập Học kỳ 1 lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển $\geq 7,5$ điểm.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk theo phương thức này phải đạt đủ những điều kiện sau: Có học lực loại Giỏi trở lên ít nhất hai trong 5 học kỳ (năm lớp 10, năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12); Có kết quả học tập Học kỳ 1 lớp 12 của các môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển ≥ 7 điểm.

- Cách thức xét tuyển: Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu theo điểm xét tuyển dựa trên kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển theo ngành, tổ hợp đã đăng ký của cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12. Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$+ \text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{ĐU'T} \text{ (nếu có)} + \text{ĐKK} \text{ (nếu có)}$$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; HK1: Học kỳ 1; ĐU'T: Điểm ưu tiên; ĐKK: Điểm khuyến khích).

$$+ \text{Điểm trung bình (ĐTB) mỗi môn} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10} + \text{ĐTB cả năm lớp 11} + \text{ĐTB HK1 lớp 12 của môn tương ứng})/3.$$

+ ĐU'T, ĐKK được xác định theo hướng dẫn dưới đây.

- Các tiêu chí phụ: Nếu số lượng chỉ tiêu còn ít mà nhiều thí sinh cùng mức điểm sẽ xét theo tiêu chí phụ sau đây:

+ Đối với tất cả các ngành: thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật (xét lần lượt theo thứ tự giải và cấp đạt giải) sẽ trúng tuyển.

+ Đối với ngành Luật, ngành Luật Kinh tế: thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý thì thí sinh có điểm trung bình môn Ngữ văn cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Toán, Vật lý, Hóa học thì thí sinh có điểm trung bình môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn trong đó có môn Ngoại ngữ thì thí sinh có điểm trung bình môn Ngoại ngữ cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Luật Thương mại quốc tế, thí sinh có điểm trung bình môn Tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Điểm ưu tiên được xác định theo quy định tại Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm khuyến khích được xác định như sau:

+ Thí sinh các trường THPT chuyên/năng khiếu Quốc gia, trường THPT chuyên/năng khiếu cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương, học sinh của các trường THPT trọng điểm quốc gia chất lượng cao sẽ được cộng thêm 1.5 điểm khuyến khích vào tổng điểm xét tuyển;

+ Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng một lần cộng điểm khuyến khích cao nhất để tính vào điểm xét tuyển:

- ✓ Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận được

cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

- ✓ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các cuộc thi về nghệ thuật quốc tế/quốc gia về ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên, Kỳ thi Olympic bậc THPT do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Kỳ thi chọn học sinh giỏi các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ các môn các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh được cộng điểm vào tổng điểm xét tuyển với mức: giải Nhất được cộng 1.0 điểm, giải Nhì được cộng 0.75 điểm, giải Ba được cộng 0.5 điểm.

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Nếu thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có giá trị sử dụng tính đến thời điểm xét tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu sẽ được quy đổi điểm TBC học tập cho cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12 ở bậc THPT thay cho kết quả học tập ngoại ngữ tương ứng. Cụ thể như sau:

+ Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: IELTS Academic 6.5 điểm, TOEFL ITP 587 điểm, TOEFL iBT 95 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 10 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 6.0 điểm, TOEFL ITP 563 điểm, TOEFL iBT 85 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 9,5 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 5.5

điểm, TOEFL ITP 537 điểm, TOEFL iBT 75 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 9,0 điểm môn Tiếng Anh.

+ Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật được quy đổi điểm ngoại ngữ dùng để xét tuyển tương ứng như sau: Cấp độ C2 được quy đổi tương ứng 10 điểm; cấp độ C1 được quy đổi tương ứng 9,5 điểm; cấp độ B2 được quy đổi tương ứng 9 điểm.

+ Bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B2	TRKI 2	DEL F B2 TCF B2	Goethe Zertifikat B2 ÖSD Zertifikat B2 DSD II Telc Deutsch B2 TestDaF 4	HSK 4 và HSKK Trung cấp	JLPT N3
C1	TRKI 3	DALF C1 TCF C1	Goethe Zertifikat C1 ÖSD Zertifikat C1 Telc Deutsch C1 TestDaF 5	HSK 5 và HSKK Cao cấp	JLPT N2
C2	TRKI 4	DALF C2 TCF C2	Goethe Zertifikat C2 ÖSD Zertifikat C2	HSK 6 và HSKK Cao cấp	JLPT N1

1.7.6. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024

- Thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 1.5 được tham gia xét tuyển.

- Điểm xét tuyển bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên, điểm khuyến khích (nếu có).

- Đối với điểm ưu tiên: quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với điểm khuyến khích: Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng một lần cộng điểm khuyến khích cao nhất để tính vào điểm xét tuyển:

+ Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng) tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các cuộc thi về nghệ thuật quốc tế/quốc gia về ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên, Kỳ thi Olympic bậc THPT do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Kỳ thi chọn học sinh giỏi các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh được cộng điểm vào tổng điểm xét tuyển với mức: giải Nhất được cộng 1.0 điểm, giải Nhì được cộng 0.75 điểm, giải Ba được cộng 0.5 điểm.

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Đối với thí sinh có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế có giá trị sử dụng theo quy định tính đến thời điểm xét tuyển sẽ được quy đổi điểm môn Ngoại ngữ tương ứng để xét tuyển. Cách thức quy đổi áp dụng như đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xem Mục 1.7.5).

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.8.1. Quy định về xét tuyển thẳng

Trường áp dụng các quy định theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, cụ thể như sau:

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học.

+ Người đã trúng tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Trường Đại học

Luật Hà Nội. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận, tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 được tuyển thẳng vào ngành Luật.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 được tuyển thẳng vào ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận, nếu chưa tốt nghiệp trung học phổ thông được bảo lưu sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

+ Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

+ Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Luật Hà Nội: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt theo quy định của Trường để xem xét, quyết định cho vào học.

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội và phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

+ Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

+ Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định.

- Tiêu chí xét tuyển thẳng: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, Trường sẽ xét từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu (nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá

chỉ tiêu đã xác định thì ưu tiên thí sinh trúng tuyển căn cứ vào cấp đạt giải, nội dung đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường, các môn ưu tiên theo thứ tự từ cao tới thấp là ngoại ngữ, Toán học, Ngữ Văn, Lý, Hóa).

1.8.2. Ưu tiên xét tuyển

Trường áp dụng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: theo tổng số nguyện vọng đăng ký, nguyện vọng 1 lệ phí là 100.000 đ, từ nguyện vọng 2 lệ phí là 30.000 đ /nguyện vọng

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Đối với sinh viên học các chương trình đại trà: năm học 2024-2025 mức thu học phí là 2.538.000 đ/tháng/sinh viên (1.410.000đ x 1.8 lần), tương đương với: 725.000 đ/ tín chỉ. Thu 5 tháng/học kỳ, 40 tháng/khoá học, 140 tín chỉ/ khoá học).

- Đối với sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao: năm học 2024-2025 mức thu học phí là 5.076.000 đ/tháng (2.538.000đ x 2 lần) tương đương: 725.000 đ/tín chỉ với các môn học thực tập chuyên môn, khoá luận tốt nghiệp, giáo dục quốc phòng an ninh; 1.600.000 đ/tín chỉ với các môn học khác. Thu 5 tháng/học kỳ, 40 tháng/ khoá học, 140 tín chỉ/khoá học.

- Trường Đại học Luật Hà Nội sẽ thông báo khi có lộ trình tăng học phí.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh từ tháng 04/2024 và theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.12. Cam kết của Trường trong những trường hợp rủi ro

Trường Đại học Luật Hà Nội cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (không có)

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 230 tỷ đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: khoảng 11.600.000 đồng/01 sinh viên.

1.15. Các nội dung khác

1.15.1. Các chương trình trao đổi sinh viên với nước ngoài

Năm 2024, Trường Đại học Luật Hà Nội tiếp tục triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác là các trường đại học uy tín trên thế giới như Đại học Quốc lập Đài Loan (Đài Loan), Đại học Latrobe (Úc), Đại học Quốc gia Singapore (Singapore), Đại học Đông Phần Lan (Phần Lan), Đại học Akron (Hoa Kỳ), Đại học Keio và Đại học Nagoya (Nhật Bản), ...

1.15.2. Về tuyển sinh các chương trình chất lượng cao

Năm 2024, Trường dự kiến tuyển 300 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật, 100 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật Kinh tế trong số các thí sinh trúng tuyển tương ứng vào ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Thí sinh đăng ký theo học vào các chương trình chất lượng cao khi làm thủ tục nhập học tại trường. Trường có thông báo riêng đối với việc xét tuyển vào các lớp đào tạo chất lượng cao.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Công dân nước CHXHCN Việt Nam có đủ các điều kiện dưới đây được dự tuyển vào hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học:

- Đã có một bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sỹ, bằng tiến sỹ;
- Người có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh

Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Xét tuyển thẳng: Xem mục 2.8.
- Xét tuyển dựa trên kết quả điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học bậc đại học: Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm hệ số 10 xếp từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Đối với các thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa học theo thang điểm hệ số khác sẽ được quy đổi về thang điểm hệ số 10 theo mức quy đổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (làm tròn đến hai chữ số thập phân). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển thẳng theo đề án của Trường	400				2001
2	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	100				2001
3	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển thẳng theo đề án của Trường	200				2017
4	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	100				2017
Trường hợp xét tuyển theo mỗi ngành, phương thức không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho ngành, phương thức khác										

2.5. Ngưỡng đầu vào

Đã có một bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sĩ, bằng Tiến sĩ

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: theo quy định hiện hành

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian tuyển sinh: dự kiến từ tháng 03/2024

Thời gian, điều kiện, hình thức nhận hồ sơ,... được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Trường xét tuyển thẳng đối với người có bằng tốt nghiệp từ thạc sĩ trở lên; tốt nghiệp đại học từ loại Giỏi trở lên; tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ/sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương; các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (các ngoại ngữ khác căn cứ theo Bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ tại mục 1.7.5). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển thẳng.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Xét tuyển: 150.000 đồng/01 thí sinh

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Mức thu tại năm học 2024-2025 là 3.553.200 đ/tháng/sinh viên (2.538.000đ x 1.4 lần), tương đương 815.000đ/tín chỉ. Thu 5 tháng/học kỳ, 25 tháng/khóa học, 109 tín chỉ/khóa học.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: từ tháng 03/2024

2.12. Các nội dung khác

- Hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học: 2,5 năm

- Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Người dự tuyển hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên;

Ngoài ra, người dự tuyển phải có đủ sức khỏe để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước (trong trường hợp tổ chức tuyển sinh với các đơn vị liên kết đào tạo thì các đơn vị liên kết đào tạo phải đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

về liên kết đào tạo), tuyển sinh tại cơ sở chính của Trường và tại Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh liên tục trong năm.

1.3. Phương thức tuyển sinh

* Tuyển thẳng đối với người có bằng đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

* Xét tuyển theo kết quả học tập (từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu):

+ Người tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên). Tổ hợp xét tuyển bao gồm: **A00** (Toán, Vật lí, Hóa học); **A01** (Toán, Vật lí, Tiếng Anh); **C00** (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí); **D01** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); **D02** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga); **D03** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp), **D04** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung), **D05** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Đức), **D06** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật).

Xét tuyển theo trung bình cộng kết quả học tập năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, hoặc trung bình cộng kết quả thi tốt nghiệp THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.

+ Người tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Xét điểm trung bình chung toàn khóa, đối với thí sinh có bảng điểm không thể hiện điểm trung bình chung toàn khóa sẽ xét theo kết quả môn học, học phần.

+ Người tốt nghiệp cao đẳng: Xét điểm trung bình chung toàn khóa, đối với thí sinh có bảng điểm không thể hiện điểm trung bình chung toàn khóa sẽ xét theo kết quả môn học, học phần.

1.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo được xác định như sau:

Tt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển thẳng theo đề	30	405-CP	06/11/1979	Chính phủ	1982

					án của Trường					
2	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	120	405-CP	06/11/1979	Chính phủ	1982
Trường hợp xét tuyển theo mỗi ngành, phương thức không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho ngành, phương thức khác										

1.5. Ngưỡng đầu vào

Người dự tuyển hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

* Về điều kiện về số lượng người dự tuyển để có thể tổ chức lớp học:

- Đối với các lớp vừa làm vừa học tổ chức tại cơ sở chính của Trường và tại Phân hiệu: Tối thiểu 40 người trở lên tham gia dự tuyển.

- Đối với các lớp vừa làm vừa học liên kết đào tạo: Các lớp liên kết vừa làm vừa học tại miền Bắc: tối thiểu 50 người trở lên tham gia dự tuyển; Các lớp liên kết vừa làm vừa học tại miền Trung (từ Hà Tĩnh trở vào) và tại miền Nam: tối thiểu 60 người trở lên tham gia dự tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

Dự kiến tháng 03/2024, tuyển sinh liên tục trong năm, thời gian tuyển sinh từng lớp cụ thể sẽ được xác định trong Thông báo tuyển sinh;

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Nhận hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk và tại đơn vị liên kết đào tạo.

* Về hồ sơ tuyển sinh: Người đăng ký dự thi tuyển sinh cần nộp 01 bộ hồ sơ, gồm có:

- 01 Phiếu đăng ký dự tuyển hình thức vừa làm vừa học;

- 01 bản sơ yếu lý lịch có dán ảnh, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thường trú;

- 02 bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp liên quan đến điều kiện tuyển thẳng hoặc xét tuyển;

- Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu thí sinh dự tuyển tốt nghiệp tại cơ sở đào tạo nước ngoài);

- 01 bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT/học bạ hoặc tương đương;

- 01 bản sao giấy khai sinh và 02 ảnh màu cỡ 4x6 cm (chụp trước ngày nộp hồ sơ tối đa 01 tháng).

* Về thông báo tuyển sinh, phát hành, thu hồ sơ tuyển sinh:

- Việc tuyển sinh được tiến hành liên tục trong năm. Thông báo tuyển sinh cho từng đợt tuyển sinh sẽ được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội và trên website của Phân hiệu, các đơn vị liên kết đào tạo;

- Phát hành và thu hồ sơ liên tục các ngày trong năm (trừ trường hợp các đơn vị liên kết đào tạo có quy định khác về thời hạn thu hồ sơ đối với các lớp cụ thể). Trong trường hợp phát hành và thu hồ sơ đối với các lớp tổ chức tại trụ sở chính của Trường và tại Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk thì không phát hành và thu hồ sơ vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ Nhật.

1.8. Chính sách ưu tiên

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Đối với các lớp tổ chức học tại Trường, tại Phân hiệu tỉnh Đắk Lắk: mức thu 150.000 đồng/thí sinh.

- Đối với các lớp liên kết đào tạo: mức thu 300.000 đồng/thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Học phí dự kiến với sinh viên năm học 2024 – 2025:

- Đối với lớp mở tại trụ sở chính: 3.553.200 đồng/tháng/sinh viên (2.538.000 đồng x 1,4 lần), tương đương 1.377.000 đồng/tín chỉ;

- Đối với lớp mở tại tại Phân hiệu và địa phương: 3.299.400 đồng/tháng/sinh viên (2.538.000 đồng x 1,3 lần), tương đương 1.279.000 đồng/tín chỉ;

Thu 5 tháng/học kỳ; 50 tháng/khoá học; 129 tín chỉ/khoá học.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: từ tháng 03/2024

1.12. Các nội dung khác

* Thời gian đào tạo:

- Hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học: 4 năm

Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp.

* Thời gian học:

- Đối với các lớp được tổ chức tại cơ sở chính của Trường và Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk: Học các buổi tối trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy; hoặc học tối thứ Sáu, cả ngày thứ Bảy và cả ngày Chủ nhật.

- Đối với các lớp liên kết đào tạo: Theo hợp đồng liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Luật Hà Nội với đơn vị liên kết đào tạo.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Công dân nước CHXHCN Việt Nam có đủ các điều kiện dưới đây được dự tuyển vào hình thức đào tạo cấp bằng đại học vừa làm vừa học cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học:

- Đã có một bằng tốt nghiệp đại học.
- Người có đủ sức khỏe để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Tuyển thẳng đối với người có bằng tốt nghiệp từ thạc sĩ trở lên; tốt nghiệp đại học từ loại Giỏi trở lên; tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ/sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương; các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển thẳng.

- Xét tuyển đối với thí sinh không thuộc diện xét tuyển thẳng: Xét kết quả điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học bậc đại học của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm hệ số 10. Đối với các thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa học theo thang điểm hệ số khác sẽ được quy đổi về thang điểm hệ số 10 theo mức quy đổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (làm tròn đến hai chữ số thập phân). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo được xác định như sau:

Tt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển thẳng theo đề án của Trường	400				2001

2	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	290				2001
3	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển thẳng theo đề án của Trường	100				2017
4	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	50				2017
Trường hợp xét tuyển theo mỗi ngành, phương thức không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho ngành, phương thức khác										

2.5. Ngưỡng đầu vào

Đã có một bằng tốt nghiệp đại học.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

Được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh.

2.8. Chính sách ưu tiên: thực hiện theo quy định hiện hành.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Xét tuyển: 150.000 đồng/01 thí sinh đối với các lớp tổ chức học tại Trường và Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk; 300.000 đồng/01 thí sinh đối với các lớp liên kết đào tạo.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Học phí dự kiến với sinh viên năm học 2024 – 2025:

- Đối với lớp mở tại trụ sở chính: 3.553.200 đồng/tháng/sinh viên (2.538.000 đồng x 1,4 lần), tương đương 978.000 đồng/tín chỉ;

- Đối với lớp mở tại tại Phân hiệu và địa phương: 3.299.400 đồng/tháng/sinh viên (2.538.000 đồng x 1,3 lần), tương đương 908.000 đồng/tín chỉ;

Thu 5 tháng/học kỳ; 30 tháng/khoá học; 109 tín chỉ/khoá học.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: từ tháng 03/2024

2.12. Các nội dung khác

Thời gian đào tạo đối với hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học: 2,5 năm

Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, của đơn vị liên kết đào tạo, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp./.

Ngày 13 tháng 03 năm 2024

CÁN BỘ KÊ KHAI



Phạm Hoài Điệp

Điện thoại: 0917710277

Địa chỉ Email: diepph@hlu.edu.vn



Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực pháp luật	938	261
1.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	38
1.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	50
1.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	30
1.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	9380105	4
1.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	9380106	15
1.1.6	Ngành Luật kinh tế	9380107	104
1.1.7	Ngành Luật quốc tế	9380108	20
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực pháp luật	838	1541
2.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	198
2.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	349
2.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	191
2.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	8380105	39
2.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	88
2.1.6	Ngành Luật kinh tế	8380107	500
2.1.7	Ngành Luật quốc tế	8380108	176
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Lĩnh vực pháp luật	738	8482
3.1.1.1	Ngành Luật	7380101	6074
3.1.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	1774
3.1.1.3	Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	634

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.1.2	Lĩnh vực nhân văn	722	666
3.1.2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	666
3.2	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.2.1	Lĩnh vực pháp luật	738	2108
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	1387
3.2.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	721
3	Đại học vừa làm vừa học		
3.1	Vừa làm vừa học		
3.1.1	Lĩnh vực pháp luật	738	789
3.1.1.1	Ngành Luật	7380101	789
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực pháp luật	738	18
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	18
3.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.3.1	Lĩnh vực pháp luật	738	1856
3.3.1.1	Ngành Luật	7380101	1753
3.3.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	103

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 112.159 m², trong đó cơ sở chính có 14.009m², Phân hiệu 98.150m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 1600 chỗ, trong đó cơ sở chính 700 chỗ ở, Phân hiệu 900 chỗ ở.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 61.108 m², trong đó cơ sở chính 36.465 m², Phân hiệu 24.633 m²

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	178	
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	3969
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	36	14289
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	29	7674
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	38	7039
1.5	Số phòng học đa phương tiện	08	1058
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	64	8878
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02	2813
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	07	770
	Tổng	187	

2.2 Các thông tin khác

2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành điển án	Tên thiết bị 1: Bàn Tên thiết bị 2: Ghế Tên thiết bị 3: Máy chiếu, Bảng, Máy tính Tên thiết bị 4: Vành móng ngựa,...	III; VII

2.2.2. Thống kê học liệu theo nhóm ngành đào tạo

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
-----------	---------------------------	-----------------

1	Nhóm ngành III	<p>* Tài liệu in: Tổng số tài liệu hiện có trong thư viện là 24.056 tên = 192.359 cuốn, trong đó học liệu của từng ngành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành Luật: 3.236 tên = 73.798 cuốn - Ngành Luật CLC: 2.899 tên = 65.487 cuốn - Ngành Luật TMQT: 1.904 tên = 44.882 cuốn - Ngành Luật Kinh tế: 2.189 tên = 53.421 cuốn. <p>* Tài liệu điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu số hóa: 6.577 tên - Tài liệu truy cập mở: 826 tên - Tạp chí luật học: 295 số (2.944 bài) - Tạp chí Nghề luật: 128 số (1.767 bài). - Sách điện tử: 105 tên (https://academic.oup.com/oxford-scholarship-online) - CSDL pháp luật trực tuyến Heinonline (https://home.heinonline.org/) - Tài liệu của Dự án Mutrap (http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&catid=4000)
2	Nhóm ngành VII	<p>* Tài liệu in:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành Ngôn ngữ Anh: 2.103 tên = 56.341 cuốn. <p>* Tài liệu điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu số hóa: 6.577 tên - Tài liệu truy cập mở: 826 tên - Tạp chí luật học: 295 số (2.944 bài) - Tạp chí Nghề luật: 128 số (1.767 bài).

		<ul style="list-style-type: none">- Sách điện tử: 105 tên (https://academic.oup.com/oxford-scholarship-online)- CSDL pháp luật trực tuyến Heinonline (https://home.heinonline.org/)- Tài liệu của Dự án Mutrap (http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&catid=4000)
--	--	--

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Phương Tâm An		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
2.	Bé Hoài Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
3.	Hoàng Ly Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
4.	Lê Ngọc Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
5.	Ngô Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
6.	Nguyễn Đức Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
7.	Nguyễn Hải Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
8.	Nguyễn Hoài Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
9.	Nguyễn Mai Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
10.	Nguyễn Ngọc Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
11.	Nguyễn Phương Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
12.	Nguyễn Quang Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
13.	Nguyễn Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
14.	Nguyễn Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Chính trị học		Luật
15.	Nguyễn Thị Vân Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
16.	Trần Phương Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
17.	Trần Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
18.	Trương Quang Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
19.	Vũ Hoàng Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
20.	Vũ Thị Lan Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
21.	Ngô Thị Ngọc Ánh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
22.	Trần Thị Bảo Ánh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
23.	Phạm Ngọc Bách		Thạc sĩ	Thể dục		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
24.	Lưu Hoài Bảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
25.	Nguyễn Ngọc Bích		Tiến sĩ	Luật học		Luật
26.	Nguyễn Thị Biên		Thạc sĩ	Thủ tục		Luật
27.	Đỗ Ngân Bình		Tiến sĩ	Luật học		Luật
28.	Nguyễn Bá Bình	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
29.	Trương Thị Thuý Bình		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
30.	Nguyễn Minh Châu		Thạc sĩ	Luật học		Luật
31.	Nguyễn Hữu Chí	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
32.	Hoàng Minh Chiến		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
33.	Nguyễn Phương Chính		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
34.	Nguyễn Như Chính		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
35.	Nguyễn Văn Cừ	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
36.	Vũ Văn Cương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
37.	Nguyễn Hùng Cường		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
38.	Trần Trọng Đại		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
39.	Bùi Thị Đào	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
40.	Lê Thị Anh Đào		Tiến sĩ	Luật học		Luật
41.	Phạm Quý Đạt		Tiến sĩ	Luật học		Luật
42.	Phạm Hoài Điệp		Thạc sĩ	Tin học		Ngôn ngữ Anh
43.	Trần Ngọc Định		Thạc sĩ	Luật học		Luật
44.	Nguyễn Minh Đoan	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
45.	Nguyễn Văn Đợi		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
46.	Chu Văn Đức		Tiến sĩ	Luật học		Luật
47.	Lê Văn Đức		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
48.	Nguyễn Thị Quang Đức		Tiến sĩ	Luật học		Luật
49.	Đỗ Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
50.	Nguyễn Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
51.	Nguyễn Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
52.	Nguyễn Thị Ngọc Dung		Thạc sĩ	Xây dựng Đảng		Luật
53.	Nguyễn Tiến Dũng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
54.	Nguyễn Ngọc Hồng Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
55.	Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
56.	Nguyễn Triều Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
57.	Phan Thanh Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
58.	Trần Thái Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
59.	Vũ Ngọc Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
60.	Hoàng Thái Duy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
61.	Chu Thị Lam Giang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
62.	Lê Thị Giang		Tiến sĩ	Luật học		Luật
63.	Nguyễn Trường Giang		Đại học	Tiếng Pháp		Luật
64.	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Tâm lý học		Luật
65.	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
66.	Nguyễn Thị Việt Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
67.	Phạm Thị Bắc Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
68.	Phạm Vĩnh Hà		Tiến sĩ	Luật học		Luật
69.	Trần Thị Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
70.	Lê Công Hải		Thạc sĩ	Luật học		Luật
71.	Trần Vũ Hải		Tiến sĩ	Luật học		Luật
72.	Lê Thị Diễm Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
73.	Nguyễn Minh Hằng		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
74.	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
75.	Phạm Thanh Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
76.	Trần Thuý Hằng		Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
77.	Lê Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
78.	Mã Thị Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
79.	Phạm Hồng Hạnh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
80.	Phạm Thị Hạnh		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
81.	Phạm Văn Hạnh		Thạc sĩ	Tin học		Ngôn ngữ Anh
82.	Phan Kiều Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
83.	Hoàng Thị Hiền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
84.	Phạm Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
85.	Trần Thị Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật
86.	Trần Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật
87.	Đậu Công Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
88.	Nguyễn Đức Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
89.	Trần Ngọc Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
90.	Bùi Đăng Hiếu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
91.	Mai Thanh Hiếu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
92.	Đinh Thị Phương Hoa		Tiến sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
93.	Nguyễn Thanh Hoa		Thạc sĩ	Văn hóa		Luật
94.	Phạm Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Luật học		Ngôn ngữ Anh
95.	Trần Thị Hoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật
96.	Hà Thanh Hoà		Tiến sĩ	Luật học		Luật
97.	Nguyễn Việt Khánh Hoà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
98.	Nguyễn Ngọc Hòa	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
99.	Tô Văn Hòa	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
100.	Đỗ Quý Hoàng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
101.	Nguyễn Văn Hợi		Tiến sĩ	Luật học		Luật
102.	Bùi Minh Hồng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
103.	Đỗ Thị Ánh Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
104.	Hoàng Quốc Hồng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
105.	Nguyễn Thị Bích Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
106.	Ninh Thị Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
107.	Tào Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
108.	Chu Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
109.	Nguyễn Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
110.	Hà Việt Hưng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
111.	Hoàng Ngọc Hưng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
112.	Đỗ Thu Hương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
113.	Nguyễn Thanh Hương		Thạc sĩ	Xã hội học		Luật
114.	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
115.	Nguyễn Văn Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
116.	Nhạc Thanh Hương		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
117.	Phan Thị Lan Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
118.	Trần Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
119.	Ngô Thị Hường	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
120.	Nguyễn Thị Hường		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
121.	Đặng Quang Huy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
122.	Nông Thành Huy		Thạc sĩ	Tin học		Luật
123.	Trần Quang Huy		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
124.	Bùi Thị Huyền	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
125.	Cao Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
126.	Đoàn Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
127.	Nguyễn Thị Khánh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
128.	Phạm Minh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
129.	Phạm Thị Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
130.	Phạm Thái Huynh		Thạc sĩ	Sư phạm chính trị		Luật Kinh tế
131.	Tô Duy Khâm		Thạc sĩ	Luật học		Luật
132.	Nguyễn Công Khanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
133.	Nguyễn Văn Khoa		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
134.	Trần Thị Thúy Lâm	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
135.	Vũ Gia Lâm		Tiến sĩ	Luật học		Luật
136.	Bùi Thị Ngọc Lan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
137.	Nguyễn Thị Lan	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
138.	Nguyễn Thị Hương Lan		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
139.	Vũ Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
140.	Nguyễn Thị Liên		Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Luật
141.	Trần Thị Liên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
142.	Trần Thị Phương Liên		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
143.	Trần Kim Liễu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
144.	Nguyễn Mai Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
145.	Nguyễn Phan Diệu Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
146.	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
147.	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
148.	Nguyễn Trịnh Ngọc Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
149.	Hoàng Thị Loan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
150.	Đặng Ngọc Long		Thạc sĩ	Thể dục		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
151.	Nguyễn Hoàng Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
152.	Nguyễn Thành Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
153.	Nguyễn Thị Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
154.	Nguyễn Văn Luân		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
155.	Phan Thị Luyện		Tiến sĩ	Xã hội học		Luật
156.	Đỗ Thị Tiến Mai		Thạc sĩ	Nga - Trung		Luật
157.	Lê Thị Ngọc Mai		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
158.	Mai Thị Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
159.	Ngô Tuyết Mai		Thạc sĩ	Luật học		Luật
160.	Nguyễn Thái Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
161.	Nguyễn Thị Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
162.	Nguyễn Tuyết Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
163.	Phan Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
164.	Trần Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
165.	Đông Hoàng Minh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
166.	Lã Nguyễn Bình Minh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
167.	Bùi Thị Mừng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
168.	Nguyễn Huy Hoàng Nam		Thạc sĩ	Luật học		Luật
169.	Nguyễn Văn Năm		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
170.	Đặng Thanh Nga	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
171.	Nguyễn Thị Nga	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
172.	Nguyễn Thị Thanh Nga		Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
173.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
174.	Ngô Linh Ngọc		Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
175.	Nguyễn Đức Ngọc		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
176.	Tạ Quang Ngọc		Tiến sĩ	Luật học		Luật
177.	Trần Minh Ngọc		Tiến sĩ	Luật học		Luật
178.	Nguyễn Thị Nhân		Thạc sĩ	Tiếng Nga		Luật
179.	Ngọ Văn Nhân		Tiến sĩ	Triết học		Luật
180.	Vũ Thị Hoà Như		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
181.	Bùi Hồng Nhung		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
182.	Mai Thị Thanh Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật
183.	Nguyễn Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Triết học		Luật Kinh tế
184.	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
185.	Phạm Thị Phương Nhung		Thạc sĩ	Nga - Trung		Luật
186.	Trần Hồng Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
187.	Nguyễn Hải Ninh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
188.	Cao Kim Oanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
189.	Cao Thị Oanh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
190.	Nguyễn Minh Oanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
191.	Trịnh Thị Phương Oanh		Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học		Luật
192.	Bùi Xuân Phái		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
193.	Trần Danh Phú		Thạc sĩ	Luật học		Luật
194.	Hà Thị Lan Phương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
195.	Hà Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Tin học		Luật
196.	Hoàng Thanh Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
197.	Hoàng Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
198.	Hoàng Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
199.	Nguyễn Hiền Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
200.	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
201.	Nguyễn Văn Phương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
202.	Đỗ Thị Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
203.	Hà Thị Hoa Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
204.	Ngô Trọng Quân		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
205.	Nguyễn Trọng Quang		Thạc sĩ	Thẻ dục		Luật
206.	Nguyễn Văn Quang	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
207.	Dương Văn Quý		Thạc sĩ	Luật học		Luật
208.	Nguyễn Ngọc Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
209.	Trần Thị Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
210.	Trần Thị Quyên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
211.	Lý Văn Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
212.	Lê Đình Quyết		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
213.	Đặng Hoàng Sơn		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
214.	Trịnh Văn Tài		Thạc sĩ	Luật học		Luật
215.	Đào Thị Tâm		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
216.	Đặng Đình Thái		Thạc sĩ	Triết học		Luật
217.	Nguyễn Toàn Thắng		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
218.	Thái Vĩnh Thắng	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
219.	Đào Phương Thanh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
220.	Lương Thị Hà Thanh		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
221.	Lại Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
222.	Nguyễn Thị Thảo		Thạc sĩ	Luật học		Luật
223.	Phạm Nguyệt Thảo		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
224.	Phạm Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
225.	Trần Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
226.	Nguyễn Thị Anh Thơ		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
227.	Nguyễn Văn Thọ		Thạc sĩ	Luật học		Luật
228.	Lương Thị Thoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
229.	Nông Thị Thoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật
230.	Bùi Thị Thu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
231.	Đào Lê Thu		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
232.	Ngô Thị Thu		Thạc sĩ	Thê dục		Ngôn ngữ Anh
233.	Nguyễn Thị Hồng Thu		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
234.	Phạm Thị Giang Thu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
235.	Vũ Xuân Thuấn		Thạc sĩ	Thê dục		Ngôn ngữ Anh
236.	Đoàn Quỳnh Thương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
237.	Dương Thị Thân Thương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
238.	Mạc Thị Hoài Thương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
239.	Trần Thị Thương		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
240.	Lê Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
241.	Nguyễn Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Tin học		Luật
242.	Nguyễn Thu Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
243.	Nguyễn Thị Hồng Thúy		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
244.	Trần Thị Hồng Thúy		Tiến sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Anh
245.	Vương Thanh Thúy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
246.	Nguyễn Thị Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
247.	Phạm Thu Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
248.	Trần Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
249.	Vũ Thị Duyên Thúy	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
250.	Nguyễn Mai Thuyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
251.	Bùi Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
252.	Lã Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
253.	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
254.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
255.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
256.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Ngôn ngữ Anh
257.	Phạm Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
258.	Phạm Thị Mai Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
259.	Thái Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Luật học		Luật
260.	Trần Thị Kiều Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
261.	Vũ Thủy Trang		Thạc sĩ	Tiếng Trung		Luật
262.	Đỗ Xuân Trọng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
263.	Đoàn Xuân Trường		Tiến sĩ	Luật học		Luật
264.	Nguyễn Thị Thanh Tú		Tiến sĩ	Luật học		Luật
265.	Nguyễn Đắc Tuấn		Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
266.	Đào Ngọc Tuấn		Tiến sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Anh
267.	Trần Anh Tuấn	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
268.	Vũ Văn Tuấn		Tiến sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
269.	Phạm Tài Tuệ		Tiến sĩ	Luật học		Luật
270.	Nguyễn Hải Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
271.	Nguyễn Sơn Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
272.	Nguyễn Sơn Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
273.	Đỗ Thị Tươi		Tiến sĩ	Thể dục		Ngôn ngữ Anh
274.	Đặng Thị Hồng Tuyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
275.	Nguyễn Quang Tuyền	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
276.	Nguyễn Văn Tuyền		Tiến sĩ	Luật học		Luật
277.	Phí Thị Thanh Tuyền		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
278.	Đào Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
279.	Phạm Văn Tuyết	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
280.	Hà Thị Út		Tiến sĩ	Luật học		Luật
281.	Đoàn Thị Tố Uyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
282.	Đặng Thị Vân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
283.	Nguyễn Đức Việt		Thạc sĩ	Luật học		Luật
284.	Trương Quang Vinh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
285.	Nguyễn Mai Vương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
286.	Lê Tiểu Vy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
287.	Lê Thị Hải Yến		Thạc sĩ	Luật học		Luật
288.	Lưu Hải Yến		Tiến sĩ	Luật học		Luật
289.	Nguyễn Hải Yến		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
290.	Nguyễn Ngọc Yến		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
291.	Nguyễn Thị Yến		Thạc sĩ	Luật học		Luật
292.	Nguyễn Thị Yến		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
293.	Nguyễn Thị Hồng Yến		Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
294.	Trần Thu Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
295.	Vũ Thị Hải Yên	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
Tổng số giảng viên toàn trường: 295						